



CHƯƠNG 9. LUẬT KINH DOANH



KHÁI NIỆM

Luật kinh doanh là tổng hợp các QPPL do NN ban hành, điều chỉnh các quan hệ KT phát sinh trong quá trình tổ chức và quản lý KT của NN và trong quá trình kinh doanh của các chủ thể kinh doanh với nhau



**LUẬT
KINH DOANH**



LUẬT KINH DOANH

Đối tượng điều chỉnh



- 1- Nhóm quan hệ quản lý KT
- 2- Quan hệ KT phát sinh trong quá trình KD giữa các chủ thể KD với nhau.
- 3- Quan hệ KT phát sinh trong nội bộ một số DN

Phương pháp điều chỉnh

1- Phương pháp mệnh lệnh



Được sử dụng chủ yếu để điều chỉnh nhóm quan hệ quản lý KT giữa các chủ thể bất bình đẳng với nhau

2- Phương pháp thoả thuận:

Được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ KT phát sinh trong quá trình KD giữa các chủ thể bình đẳng với nhau



Chủ thể của Luật kinh doanh

1. Cá nhân:

- Có năng lực hành vi dân sự
- Không thuộc trường hợp bị hạn chế kinh doanh hay cấm kinh doanh
- Đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật



2. Tổ chức

Là tập hợp bao gồm (các cá nhân; cá nhân + tổ chức hay các tổ chức liên kết hình thành tổ chức mới) nhằm thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức có tư cách pháp nhân và
- Tổ chức không có tư cách pháp nhân.

Hộ gia đình kinh doanh

- Là Hộ kinh doanh cá thể, bao gồm các thành viên trong gia đình góp tài sản, công sức để hoạt động kinh tế theo luật quy định.
- Chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của cả Hộ,
- Đối với giải quyết nợ: Bao gồm cả tài sản riêng của các thành viên trong hộ gia đình kinh doanh

Nguồn của Luật kinh doanh

- **Hiến pháp**
- Luật, Bộ luật: Liên quan đến quản lý KT của NN và trong hoạt động KD của DN, như: Luật doanh nghiệp, luật thương mại...
- Nghị quyết của quốc hội về KT
- Pháp lệnh: Pháp lệnh là văn bản do Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành (KHI CHƯA CÓ LUẬT ĐIỀU CHỈNH)

Nguồn của Luật kinh doanh

- Nghị quyết của CP: các chính sách chủ trương, quy định nhiệm vụ, công tác của Chính phủ trong việc thực hiện chức năng quản lý kinh tế- xã hội.
- Nghị định của Chính phủ: được ban hành nhằm cụ thể hóa các văn bản pháp luật, pháp lệnh, như: Nghị định hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp.
- Các văn bản Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ và cơ quan ngang Bộ...



DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh (*Khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020*)

DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp có đặc điểm sau:

- 1) Được thành lập và đăng ký KD theo thủ tục pháp lý nhất định (pháp luật quy định riêng cho từng loại);
- 2) Được nhân danh mình tham gia quan hệ PL (dân sự cũng như các quan hệ tố tụng);
- 3) Chức năng, nhiệm vụ chính của DN là kinh doanh.
4. DN được thực hiện các hoạt động KD như sản xuất, mua bán, cung ứng hàng hóa, DV nhằm mục tiêu thu lợi nhuận hoặc thực hiện chính sách KT-XH.



CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP

-  **Doanh nghiệp nhà nước**
-  **Công ty cổ phần**
-  **Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 2 TV trở lên**
-  **Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên**
-  **Công ty hợp danh**
-  **Doanh nghiệp tư nhân**
-  **Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Doanh nghiệp NN



- Là những cơ sở sản xuất KD do NN sở hữu toàn bộ hay phần lớn vốn trong DN.
- Là tổ chức KT do NN sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối.
- Được tổ chức dưới hình thức công ty NN, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.



DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

- DN một chủ trong trường hợp nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ (tức sở hữu 100%).
- Doanh nghiệp nhà nước nhiều chủ sở hữu trong trường hợp có cổ phần, vốn góp chi phối có tỉ lệ trên 50% và dưới 100%.



Đặc điểm của DNNN

- **Trách nhiệm tài sản:** DNNN chịu trách nhiệm trong phạm vi tài sản của doanh nghiệp.
- NN chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi tài sản góp vốn vào DN.
- **Tư cách pháp lý:** DNNN có tư cách pháp nhân.

Phân loại DNNN

Dựa vào hình thức tổ chức doanh nghiệp nhà nước có năm loại, gồm:

- **Thứ nhất, công ty NN:** NN sở hữu toàn bộ vốn điều lệ thành lập, tổ chức quản lý và tồn tại dưới hình thức công ty NN độc lập và tổng công ty NN.
- **Thứ hai, công ty cổ phần NN:** toàn bộ cổ đông là các công ty NN hoặc tổ chức được NN ủy quyền góp vốn.



Phân loại DNNN



- **Thứ ba, công ty TNHH nhà nước một thành:** do NN sở hữu toàn bộ vốn điều lệ.
- **Thứ tư, công ty TNHH nhà nước có từ hai thành viên trở lên:** tất cả các thành viên đều là công ty NN hoặc có thành viên là công ty NN, thành viên được ủy quyền góp vốn.
- **Thứ năm, doanh nghiệp cổ phần:** là DN mà cổ phần hoặc vốn góp của NN chiếm trên 50% vốn điều lệ => NN giữ quyền chi phối DN.



2. Công ty cổ phần là gì?

CÔNG TY CỔ PHẦN

Theo khoản 1 Điều 111 Luật DN 2020, CTCP



Công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp, trong đó:

- **Vốn điều lệ** được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là **cổ phần**;
- **Cổ đông** là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu cổ phần (Tối thiểu phải có 03 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa).
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DN trong phạm vi số vốn đã góp vào DN;

CÔNG TY CỔ PHẦN

Theo khoản 1 Điều 111 Luật DN 2020, CTCP
là loại hình doanh nghiệp, trong đó:



- **Lợi nhuận** mà cổ đông nhận được từ việc sở hữu cổ phần là cổ tức;
- **Huy động vốn:** Công ty cổ phần có thể huy động vốn bằng cách phát hành cổ phiếu;

CÔNG TY CỔ PHẦN

Về cổ đông của công ty

- Cổ đông là người sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần,
- Chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác trong phạm vi số vốn đã góp.
- Công ty phải có tối thiểu 03 cổ đông sáng lập và không hạn chế số lượng cổ đông tối đa.



CÔNG TY CỔ PHẦN



Về vốn điều lệ

- Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần,
- Việc mua cổ phần là chính là cách để góp vốn vào công ty cổ phần;



3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là gì?

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

- Là DN do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu;
- Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.
- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

- Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (TNHH).
- CT TNHH một thành viên có sự tách bạch tài sản giữa tài sản chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty
- Đây là một điểm khác biệt so với chế độ trách nhiệm của chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân (trách nhiệm vô hạn)



4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên là gì?

CÔNG TY TNHH 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

- Thành lập và hoạt động theo quy định của Luật DN.
- Thành viên công ty có thể là cá nhân, tổ chức (không vượt quá 50 người).
- Thành viên phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của DN trong phạm vi số vốn đã góp vào DN.

CÔNG TY TNHH 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN.
- Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về thành lập, cơ cấu tổ chức, sự độc lập về tài sản, trách nhiệm và tham gia các quan hệ pháp luật độc lập với tư cách là nguyên đơn hoặc bị đơn.
- Tài sản của công ty được tách bạch với tài sản của các thành viên công ty.



5. Công ty hợp danh là gì?

CÔNG TY HỢP DANH

- Các thành viên cùng nhau tiến hành hoạt động thương mại dưới một hằng chung và cùng liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ của công ty.
- Công ty hợp danh hay còn gọi là công ty góp danh là loại hình đặc trưng của công ty đối nhân
- Do tính chất liên đới chịu trách nhiệm vô hạn => nên các thành viên phải thật sự hiểu biết nhau, tin tưởng nhau “sống chết có nhau”.

CÔNG TY HỢP DANH

- Việc thành lập công ty dựa trên cơ sở hợp đồng giữa các thành viên
- Một công ty hợp danh được thành lập nếu ít nhất có hai thành viên thoả thuận với nhau cùng chịu trách nhiệm liên đới vô hạn đối với mọi khoản nợ của công ty.
- Là loại hình đặc trưng của công ty đối nhân, là loại hình công ty ra đời sớm nhất do nhu cầu liên kết về nhân thân của các thành viên.

CÔNG TY HỢP DANH

- **Thành viên hợp danh:** phải cùng liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Thành viên góp vốn:** chịu trách nhiệm trong phạm vi phần vốn góp vào công ty.
- **Vốn điều lệ** của công ty hợp danh là **tổng giá trị tài sản** mà các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty.

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Là DN do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DN.

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

1. DNTN Không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.
2. Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một DN tư nhân.
3. Chủ DNTN không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh của công ty hợp danh.
4. Không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Là DN do nhà đầu tư của một quốc gia đầu tư toàn bộ hoặc một phần vốn thành lập trên lãnh thổ của một quốc gia khác để tiến hành hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận

Luật Đầu tư 2020 không đề cập trực tiếp loại hình doanh nghiệp này mà chỉ định nghĩa một cách khái quát tại Khoản 17 Điều 3 như sau: ” **Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông.**”

DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

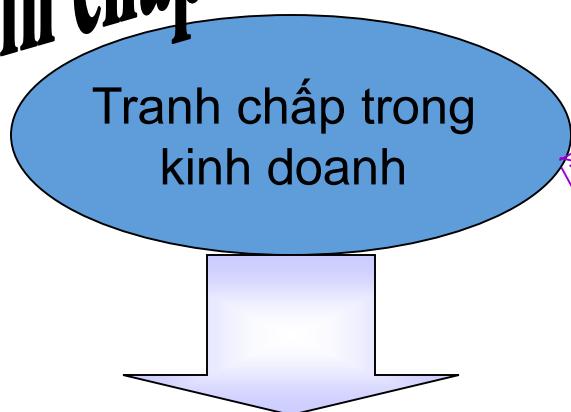
Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài bao gồm:

- + Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.
- + DN có cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo PL nước ngoài đầu tư (góp vốn thành lập, mua vốn góp).



7. Tranh chấp trong kinh doanh?

Tranh chấp trong kinh doanh



CÁC HÌNH THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH

Tranh chấp kinh tế là những bất đồng giữa các chủ thể phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của mình. Nó là những tranh chấp nảy sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Thương lượng

Hoà giải

Trọng tài

Toà án

THƯƠNG LƯỢNG

- Các bên tự nguyện bàn bạc, thỏa thuận, tự dàn xếp, tháo gỡ những bất đồng (không cần có sự trợ giúp hay phán quyết của bất kỳ bên thứ ba nào).
- Các bên sẽ không có sự ràng buộc của quy định PL về trình tự, thủ tục giải quyết (nhưng phải đúng PL)
- Kết quả của quá trình giải quyết tranh chấp sẽ phụ thuộc vào sự thỏa thuận của các bên.

HÒA GIẢI

- Các bên thỏa thuận và được hòa giải viên thương mại làm trung gian hòa giải hỗ trợ giải quyết tranh chấp theo quy định.
- Các bên hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- Các thông tin liên quan đến vụ việc hòa giải phải được giữ bí mật (trừ trường hợp có quy định khác).
- Nội dung thỏa thuận hòa giải không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không xâm phạm quyền của bên thứ ba.

TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

- Là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thoả thuận.
- Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thoả thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội.
- Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TÒA ÁN

Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án bao gồm:

- Tuân thủ pháp luật trong tố tụng dân sự
- Quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp
- Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự
- Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự
- Bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BẰNG TÒA ÁN

Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án bao gồm:

- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử vụ án dân sự: độc lập và chỉ tuân theo pháp luật
- Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai
- Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự
- Bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm
- Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án
- Bảo đảm tranh tụng trong xét xử

Phá sản doanh nghiệp

Doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là doanh nghiệp gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong kinh doanh, sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn

Trình tự thủ tục phá sản

- Nộp đơn và thu lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản
- Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh
- Thủ tục thanh lý tài sản
- Tuyên bố DN, HTX bị phá sản

PHÁ SẢN

Phá sản là tình trạng doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân (TANN) ra quyết định tuyên bố phá sản. (Căn cứ vào khoản 2 Điều 4 của Luật Phá sản năm 2014)

Thời hạn trễ thanh toán là trong vòng 3 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán(Theo khoản 1 Điều 4 của Luật Phá sản năm 2014)

PHÁ SẢN

Trình tự, thủ tục tuân theo luật phá sản :

- Nộp đơn cho Tòa án
- Tòa án xem xét – thụ lý đơn.
- Tòa án mở thủ tục phá sản với những trường hợp đã đủ điều kiện.
- Triệu tập hội nghị các chủ nợ.
- Phục hồi công ty.
- Ra quyết định tuyên bố phá sản.